ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HRA** Số: 359 /QĐ-UBND	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** *Hra, ngày 10 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu thu chi ngân sách quý I năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/02/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 26 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Hra khóa XIII - Kỳ họp thứ Năm về việc giao dự toán ngân sách xã năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 811/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc giao dự toán ngân sách xã năm 2026.

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 63/TTr-PKT ngày 10/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thu, chi ngân sách quý I năm 2026 của xã Hra *(theo các biểu 113,114,115 đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội xã, Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Minh Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HRA

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND xã Hra)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2026	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**103.886,00**	**47.802,48**	**46,01**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	281,00	74,02	26,34
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	14.865,00	1.212,31	8,16
3	Thu bổ sung	88.740,00	39.177,91	44,15
	- Thu bổ sung cân đối	*72.204,00*	*18.051,00*	*25,00*
	- Thu bổ sung có mục tiêu	*16.536,00*	*21.126,91*	*127,76*
4	Thu chuyển nguồn		7.338,23	
5	Thu kết dư ngân sách			
II	**TỔNG SỐ CHI**	**103.886,00**	**17.305,08**	**16,66**
1	Chi đầu tư phát triển	17.600,00	0,00	0,00
2	Chi thường xuyên	84.808,00	17.305,08	20,41
3	Dự phòng	1.478,00	0,00	**0,00**

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HRA

Biểu số 114/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND xã Hra)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		THỰC HIỆN QUÝ I/2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**105.570,00**	**103.886,00**	**49.719,72**	**47.802,48**	**47,10**	**46,01**
I	**Các khoản thu 100%**	**281,00**	**281,00**	**496,27**	**74,02**	**176,61**	**26,34**
1	Phí, lệ phí	22,00	22,00	44,79	19,51	203,58	88,66
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	6,00	6,00	0,00	0,00	0,00	0,00
3	Thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	240,00	240,00	384,39	35,59	160,16	14,83
4	Thuế tài nguyên	0,00	0,00	35,00	0,00		
5	Thu khác	0,00	0,00	31,50	18,34		
6	Thu sử dụng đất phi nông nghiệp (đất ở nông thôn)	13,00	13,00	0,59	0,59	4,51	4,51
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**16.549,00**	**14.865,00**	**2.707,32**	**1.212,31**	**16,36**	**8,16**
1	Thuế giá trị gia tăng	940,00	658,00	652,76	130,93	69,44	19,90
2	Tiền sử dụng đất	13.934,00	13.859,00	987,49	839,37	7,09	6,06
3	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.650,00	330,00	983,35	196,67	59,60	59,60
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	25,00	18,00	37,36	26,15	149,44	145,29
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0,00	0,00	0,00	0,00		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		THỰC HIỆN QUÝ I/2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
6	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			27,16	0,00		
7	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			19,20	19,20		
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**			**7.338,23**	**7.338,23**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**88.740,00**	**88.740,00**	**39.177,91**	**39.177,91**	**44,15**	**44,15**
1	Thu bổ sung cân đối	72.204,00	72.204,00	18.051,00	18.051,00	25,00	25,00
2	Thu bổ sung mục tiêu	16.536,00	16.536,00	21.126,91	21.126,91	127,76	127,76

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HRA

Biểu số 115/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND xã Hra)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026			THỰC HIỆN QUÝ I/2026			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	**103.886,00**	**17.600,00**	**84.808,00**	**17.305,08**	**0,00**	**17.305,08**	**299,04**	**0,00**	**299,04**
	Trong đó									
01	Chi giáo dục	51.219,00		51.219,00	9.867,39		9.867,39	19,27		19,27
02	Chi y tế	246,95		246,95	417,15		417,15	168,92		168,92
03	Chi văn hóa, thể thao	304,69		304,69	38,65		38,65	12,69		12,69
04	Chi bảo vệ môi trường	200,00		200,00	0,00			0,00		0,00
05	Chi hoạt động kinh tế	18.357,00	17.600,00	757,00	0,00	0,00		0,00		0,00
06	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	19.864,59		19.864,59	4.558,74		4.558,74	22,95		22,95
07	Chi đảm bảo xã hội	9.138,94		9.138,94	1.804,72		1.804,72	19,75		19,75
08	Chi an ninh	1.039,86		1.039,86	414,04		414,04	39,82		39,82
09	Chi quốc phòng	1.305,28		1.305,28	204,39		204,39	15,66		15,66
10	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	150,00		150,00	0,00					
11	Kinh phí tiết kiệm 10% đảm bảo bằng số tỉnh giao	487,69		487,69	0,00					
12	Kinh phí 50% tăng thu dự toán 2026 so với dự toán 2025 để thực hiện CCTL	94,00		94,00	0,00					
13	Dự phòng ngân sách	1.478,00								